

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐỊA ĐIỂM HỌC: 79 MAI THỊ DÔNG

STT	Bộ môn quản lý MH	Mã lớp MH	Số SV theo lớp MH	Mã lớp	Số SV	Tên môn học	Số TC	Tổng số tiết	Giảng viên	Thứ, tiết học						Phòng học	Tuần
										Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7		
1	DL	DL113V12611	22	23DDLA1	80	Du lịch thông minh	3	45	Hoàng Văn Tâm	7.8.9			7.8.9 (1--7)			A108	1--8
2	DL	DL318V12611	22	23DDLA1	80	Trò chơi kinh doanh	3	45	Khoa Du Lịch	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	9
3	DL	DL401V12611	22	23DDLA1	80	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90	Khoa Du Lịch	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--20
4	TH	TH305K12611	22	23DHQA1	40	Thực hành kỹ năng doanh nghiệp Hàn Quốc	3	45	An Hei Won	1.2.3			1.2.3			Online	1--2
										1.2.3			1.2.3 (3--7)			A109	3--8
5	TH	TH308K12611	22	23DHQA1	40	Luyện kỹ năng TOPIK	3	45	Nguyễn Thị Kiều Oanh		1.2.3			1.2.3 (1--7)		A110	1--8
6	TH	TH401V12611	22	23DHQA1	40	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90	Bộ môn tiếng Hàn	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--20
7	DL	DL113V12611	22	23DKSA1	80	Du lịch thông minh	3	45	Hoàng Văn Tâm	7.8.9			7.8.9 (1--7)			A108	1--8
8	DL	DL318V12611	22	23DKSA1	80	Trò chơi kinh doanh	3	45	Khoa Du Lịch	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	9
9	DL	DL401V12611	22	23DKSA1	80	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90	Khoa Du Lịch	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--20
10	KT	KT308V12611	21	23DKTA1	80	Kế toán nhà hàng - khách sạn	3	45	Chu Mỹ Hạnh	1.2.3			1.2.3 (1--7)			A110	1--8
11	KT	KT305V12611	21	23DKTA1	80	Kế toán ngân hàng	3	45	Trần Tâm Anh	4.5.6			4.5.6 (1--7)			A403	1--8
12	KT	KT401V12611	21	23DKTA1	80	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90	BM kế toán	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--20
13	QTKD	QTKD362V12611	15	23DLQA1	80	Quản trị xuất nhập khẩu	3	45	Nguyễn Đăng Huy Hoàng		1.2.3			1.2.3 (1--7)		A109	1--8
14	QTKD	QTKD238V12611	15	23DLQA1	80	Quản trị thu mua	3	45	Vũ Đức Quý			1.2.3			1.2.3 (1--7)	A109	1--8
15	QTKD	QTKD401V12611	15	23DLQA1	80	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90	BM QTKD	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--20
16	LUAT	LUAT230V12611	18	23DLUA1	80	Luật lao động và an sinh xã hội	3	45	Nguyễn Thanh Mận Lê Nguyễn Thảo Uyên		1.2.3		1.2.3 (1--7)			A202	1--8
17	LUAT	LUAT245V12611	18	23DLUA1	80	Thực tập chuyên đề 3	2	30	Lê Quốc Đô Phan Ngọc Hà (*)	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--8
18	LUAT	LUAT401V12611	19	23DLUA1	80	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90	Khoa Luật	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--20
19	QTKD	QTKD350V12611	33	23DMAA1	80	Thiết kế đồ họa	3	45	Trần Đức Trung	1.2.3			1.2.3 (1--7)			A403	1--8
20	QTKD	QTKD343V12611	33	23DMAA1	80	Sáng tạo nội dung	3	45	Triệu Định Phương	4.5.6			4.5.6 (1--7)			A205	1--8
21	QTKD	QTKD401V12611	35	23DMAA1	80	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90	BM QTKD	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--20

STT	Bộ môn quản lý MH	Mã lớp MH	Số SV theo lớp MH	Mã lớp	Số SV	Tên môn học	Số TC	Tổng số tiết	Giảng viên	Thứ, tiết học						Phòng học	Tuần
										Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7		
22	QTKD	QTKD307V12611	22	23DQTA1	80	Kinh doanh quốc tế	3	45	Vũ Đức Quý			4.5.6			4.5.6 (1--7)	A203	1--8
23	QTKD	QTKD401V12611	22	23DQTA1	80	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90	BM QTKD	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--20
24	QTKD	QTKD308V12611	22	23DQTA1 - QTKDTH	80	Quản trị sự thay đổi	3	45	Nguyễn Đăng Huy Hoàng	1.2.3 (2--8)		1.2.3				A202	1--8
25	TA	TA401V12611	25	23DTAA1	40	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90	Nguyễn Trần Hoài Phương Trần Phương Lan Nguyễn Bạch Tuyết Ngân Nguyễn Nhật Lan Hương Phan Nhật Thảo	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--20
26	TA	TA354E12611	25	23DTAA1 - TA TMDL	35	Marketing Content	3	45	Lê Thị Kiều Anh				1.2.3		1.2.3 (1--7)	B105	1--8
27	TA	TA355E12611	25	23DTAA1 - TA TMDL	35	Language and Media	3	45	Trần Phương Lan		7.8.9			7.8.9 (1--7)		B105	1--8
28	TCNH	TCNH401V12611	16	23DTCA1	80	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90	Mai Văn Tới	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--20
29	TCNH	TCNH315V12611	16	23DTCA1 - NHS	80	Học máy và dữ liệu lớn cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng	3	45	Huỳnh Hán Việt Chương Nguyễn Đăng Bắc			1.2.3		1.2.3 (1--7)		A108	1--8
30	TCNH	TCNH314V12611	14	23DTCA1 - NHS	80	Quản trị rủi ro ngân hàng	3	45	Lương Thị Kim Duyên		4.5.6			4.5.6 (1--7)		A201	1--8
31	CNTT	CNTT401V12611	50	23DTHA1	80	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90	Bộ môn CNTT	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--20
32	TT	TT223C12611	27	23DTQA1	40	Phương pháp phiên dịch	3	45	Nguyễn Thị Thu Hà	1.2.3		1.2.3 (1--7)				B105	1--8
33	TT	TT118C12611	32	23DTQA1	40	Văn hóa Trung Quốc 2	3	45	Trần Thị Kiều Lan		1.2.3		1.2.3 (1--7)			A201	1--8
34	TT	TT401V12611	27	23DTQA1	40	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90	Trần Thị Kiều Lan Phạm Thị Thủy	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--20
35	CNTT	CNTT401V12611	2	23DTTA1	80	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90	Bộ môn CNTT	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--20
36	DL	DL114V12611	26	24DDLA1	80	Di sản du lịch	3	45	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		7.8.9			7.8.9 (1--7)		A205	1--8
37	DL	DL208V12611	26	24DDLA1	80	Thực địa du lịch	2	30	Võ Trần Hải Linh	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	10
38	DL	DL307V12611	26	24DDLA1	80	Du lịch M.I.C.E	3	45	Đinh Thị Nga		4.5.6			4.5.6 (11--17)		A205	11--18
39	DL	DL115V12611	26	24DDLA1	80	Kế toán tài chính trong du lịch	3	45	Trần Tâm Anh	4.5.6			4.5.6 (11--17)			A203	11--18
40	DL	DL309V12611	15	24DDLA1- QT LH-SK	80	Tuyển điểm du lịch	3	45	Đinh Thị Nga			7.8.9			7.8.9 (1--7)	B102	1--8
41	DL	DL327V12611	13	24DDLA1- QT NH	80	An toàn vệ sinh thực phẩm	3	45	Nguyễn Thị Thương			7.8.9			7.8.9 (1--7)	A108	1--8
42	TH	TH110K12611	17	24DHQA1	35	Tiếng Hàn cao cấp 2	3	45	Nguyễn Thị Kiều Oanh	4.5.6			4.5.6 (1--7)			A109	1--8
43	TH	TH310K12611	17	24DHQA1	35	Luyện kỹ năng TOPIK B	3	45	Vũ Thị Thu Hiền		4.5.6			4.5.6 (1--7)		A108	1--8

STT	Bộ môn quản lý MH	Mã lớp MH	Số SV theo lớp MH	Mã lớp	Số SV	Tên môn học	Số TC	Tổng số tiết	Giảng viên	Thứ, tiết học						Phòng học	Tuần
										Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7		
44	TH	TH205K12611	17	24DHQA1	35	Tiếng Hàn khách sạn và du lịch	3	45	An Hei Won			4.5.6			4.5.6 (11--17)	A108	11--18
45	TH	TH203K12611	17	24DHQA1	35	Thông dịch Hàn - Việt	3	45	An Hei Won		4.5.6			4.5.6 (11--17)		A108	11--18
46	TH	TH115K12611	17	24DHQA1	35	Tiếng Hàn cao cấp 3	3	45	Vũ Thị Thu Hiền	4.5.6			4.5.6 (11--17)			A108	11--18
47	DL	DL329V12611	26	24DKSA1	80	Quản trị nhân sự trong cơ sở lưu trú	3	45	Nguyễn Lê Chi Lan		4.5.6			4.5.6 (1--7)		A403	1--8
48	DL	DL114V12611	26	24DKSA1	80	Di sản du lịch	3	45	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		7.8.9			7.8.9 (1--7)		A205	1--8
49	DL	DL208V12611	26	24DKSA1	80	Thực địa du lịch	2	30	Võ Trần Hải Linh	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	10
50	DL	DL331V12611	26	24DKSA1	80	Quản trị khu nghỉ dưỡng	3	45	Võ Trần Hải Linh		4.5.6			4.5.6 (11--17)		B103	11--18
51	DL	DL115V12611	26	24DKSA1	80	Kế toán tài chính trong du lịch	3	45	Trần Tâm Anh	4.5.6			4.5.6 (11--17)			A203	11--18
52	KT	KT217V12611	13	24DKTA1	80	Ứng dụng phần mềm kế toán	3	45	Chu Mỹ Hạnh		7.8.9			7.8.9 (1--7)		B102	1--8
53	KT	KT202V12611	13	24DKTA1	80	Kế toán chi phí	3	45	Huỳnh Hán Việt Chương	4.5.6			4.5.6 (11--17)			A202	11--18
54	KT	KT216V12611	13	24DKTA1	80	Kế toán thuế và nghiệp vụ thuế	3	45	Huỳnh Hán Việt Chương		4.5.6			4.5.6 (11--17)		A202	11--18
55	KT	KT305V12611	13	24DKTA1 - KTDN	80	Kế toán ngân hàng	3	45	Trần Tâm Anh	4.5.6			4.5.6 (1--7)			A403	1--8
56	QTKD	QTKD355V12611	12	24DLQA1	80	Quản trị vận hành	3	45	Võ Thị Hồng Hạnh		4.5.6			4.5.6 (1--7)		Online	1--8
57	QTKD	QTKD232V12611	12	24DLQA1	80	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	45	Võ Thị Hồng Hạnh			4.5.6			4.5.6 (1--7)	Online	1--8
58	QTKD	QTKD356V12611	12	24DLQA1	80	Hệ thống thông tin Logistics và chuỗi c	3	45	Nguyễn Đặng Huy Hoàng			4.5.6			4.5.6 (11--17)	A110	11--18
59	QTKD	QTKD204V12611	12	24DLQA1	80	Quản trị tài chính	3	45	Mai Văn Tới		4.5.6			4.5.6 (11--17)		A203	11--18
60	LUAT	LUAT231V12611	28	24DLUA1	80	Luật đất đai và môi trường	3	45	Nguyễn Thanh Mận Lê Quốc Đô	4.5.6 (2--8)		4.5.6				A201	1--8
61	LUAT	LUAT245V12611	28	24DLUA1	80	Thực tập chuyên đề 3	2	30	Lê Quốc Đô Phan Ngọc Hà (*)	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--8
62	LUAT	LUAT233V12611	28	24DLUA1	80	Luật sở hữu trí tuệ	3	45	Đỗ Nguyễn Thành Trung Ngô Ngọc Trinh				4.5.6 (A201)		4.5.6 (1--7) (B101)	A201 B101	1--8
63	LUAT	LUAT323V12611	28	24DLUA1	80	Luật hôn nhân và gia đình	3	45	Nguyễn Thanh Mận Lê Nguyễn Thảo Uyên	4.5.6			4.5.6 (11--17)			A205	11--18
64	QTKD	QTKD343V12611	26	24DMAA1	80	Sáng tạo nội dung	3	45	Triệu Định Phương	4.5.6			4.5.6 (1--7)			A205	1--8
65	QTKD	QTKD241V12611	26	24DMAA1	80	Chiến lược truyền thông	3	45	Huỳnh Lê Phú Phong		4.5.6			4.5.6 (1--7)		B101	1--8
66	QTKD	QTKD209V12611	26	24DMAA1	80	Chuyên đề 2	2	30	Triệu Định Phương	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--8
67	QTKD	QTKD367V12611	26	24DMAA1	80	Quản trị thương hiệu	3	45	Nguyễn Dạ Thảo	4.5.6			4.5.6 (11--17)			A403	11--18
68	CNTT	CNTT203V12611	10	24DPMA1	80	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	3	45	Nguyễn Hữu Trọng	4.5.6			4.5.6 (1--7)			B101	1--8

STT	Bộ môn quản lý MH	Mã lớp MH	Số SV theo lớp MH	Mã lớp	Số SV	Tên môn học	Số TC	Tổng số tiết	Giảng viên	Thứ, tiết học						Phòng học	Tuần
										Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7		
69	CNTT	CNTT334V12611	10	24DPMA1	80	Lập trình ứng dụng di động	3	45	Phạm Xuân Bình			4.5.6			4.5.6 (1--7)	A402	1--8
70	CNTT	CNTT324V12611	10	24DPMA1	80	Kỹ năng mềm (Professional Practice)	3	45	Đặng Trường Sơn			4.5.6			4.5.6 (11--17)	A109	11--18
71	CNTT	CNTT227V12611	10	24DPMA1	80	Lập trình Web Front-End	3	45	Nguyễn Khắc Huy		4.5.6			4.5.6 (11--17)		A109	11--18
72	QTKD	QTKD202V12611	29	24DQTA1	80	Quản trị nhân sự	3	45	Nguyễn Dạ Thảo Nguyễn Khương (*)		7.8.9			7.8.9 (1--7)		A203	1--8
73	QTKD	QTKD222V12611	29	24DQTA1	80	Hệ thống thông tin quản lý	3	45	Nguyễn Đặng Huy Hoàng	4.5.6			4.5.6 (1--7)			A203	1--8
74	QTKD	QTKD210V12611	29	24DQTA1	80	Đề án cơ sở	2	30	BM QTKD	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	11--18
75	QTKD	QTKD307V12611	29	24DQTA1 - QTKDTH	80	Kinh doanh quốc tế	3	45	Vũ Đức Quý			4.5.6			4.5.6 (1--7)	A203	1--8
76	QTKD	QTKD204V12611	29	24DQTA1 - QTKDTH	80	Quản trị tài chính	3	45	Mai Văn Tới		4.5.6			4.5.6 (11--17)		A203	11--18
77	TA	TA125E12611	29	24DTAA1	35	Professional Writing	3	45	Nguyễn Bạch Tuyết Ngân	4.5.6			4.5.6 (1--7)			B102	1--8
78	TA	TA202E12611	29	24DTAA1	35	Phonetics and phonology	3	45	Nguyễn Lê Kim Khánh		4.5.6			4.5.6 (1--7)		B105	1--8
79	TA	TA209E12611	29	24DTAA1	35	Project 2	3	45	Nguyễn Trần Hoài Phương Nguyễn Bạch Tuyết Ngân	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	11--18
80	TA	TA214E12611	29	24DTAA1	35	World Literature in English	3	45	Vũ Minh Ngọc		7.8.9			7.8.9 (11--17)		Online	11--18
81	TA	TA203E12611	29	24DTAA1	35	Syntax	3	45	Nguyễn Thuận Tuyết Sương		4.5.6			4.5.6 (11--17)		A403	11--18
82	TCNH	TCNH304V12611	12	24DTCA1	80	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	45	Mai Văn Tới	4.5.6			4.5.6 (1--7)			A108	1--8
83	TCNH	TCNH207V12611	12	24DTCA1	80	Chuyên đề 2	1	15	Lương Thị Kim Duyên	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--8
84	TCNH	TCNH209V12611	12	24DTCA1	80	Đề án chuyên ngành	2	30	Lương Thị Kim Duyên	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	11--18
85	TCNH	TCNH204V12611	12	24DTCA1	80	Tín dụng ngân hàng	3	45	Lương Thị Kim Duyên Ngô Hướng (*)		4.5.6			4.5.6 (11--17)		A110	11--18
86	TCNH	TCNH214V12611	12	24DTCA1	80	Tài chính cá nhân	3	45	Mai Văn Tới	4.5.6			4.5.6 (11--17)			A110	11--18
87	TCNH	TCNH314V12611	12	24DTCA1 - NHS	80	Quản trị rủi ro ngân hàng	3	45	Lương Thị Kim Duyên		4.5.6			4.5.6 (1--7)		A201	1--8
88	TKTT	TDPT206V12611	31	24DTDA1	80	Phân tích dữ liệu truyền thông	3	45	Hồ Thị Phương Ngân		4.5.6		4.5.6			Online	1--2
											4.5.6 (A205)		4.5.6 (A401)			A205 A401	3--8
89	TKTT	TDPT209V12611	31	24DTDA1	80	Thực tập chuyên môn 1	2	30	Hồ Thị Phương Ngân	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	11--18
90	TKTT	TDPT307V12611	31	24DTDA1	80	Truyền thông chính sách	3	45	Tạ Duy Linh	4.5.6		4.5.6				Online	15--17
										1.2.3 7.8.9	1.2.3 7.8.9	1.2.3 7.8.9	1.2.3 7.8.9	1.2.3		A201	19

STT	Bộ môn quản lý MH	Mã lớp MH	Số SV theo lớp MH	Mã lớp	Số SV	Tên môn học	Số TC	Tổng số tiết	Giảng viên	Thứ, tiết học						Phòng học	Tuần
										Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7		
91	CNTT	CNTT203V12611	39	24DTHA1	80	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	3	45	Nguyễn Hữu Trọng	4.5.6			4.5.6 (1--7)			B101	1--8
92	CNTT	CNTT216V12611	34	24DTHA1	80	Đề án lập trình nâng cao	2	30	Nguyễn Khắc Huy	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--18
93	CNTT	CNTT205V12611	39	24DTHA1	80	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	2	30	Phạm Xuân Bình		10.11.12		10.11.12 (15--16)			A201	11--18
94	CNTT	CNTT302E12611	22	24DTHA1 - CNPM	80	Software Project Management	3	45	Nguyễn Trùng Lập		4.5.6		4.5.6 (11--17)			Online	11--18
95	CNTT	CNTT312V12611	12	24DTHA1 - MMT	80	Cơ sở an ninh mạng	3	45	Nguyễn Văn Tự	4.5.6			4.5.6 (11--17)			A109	11--18
96	TKTT	TKDH302V12611	38	24DTKA1	80	Thiết kế &Layout Tạp chí	3	45	Trần Hạnh Nguyên			4.5.6			4.5.6 (1--7)	B103	1--8
97	TKTT	TKDH203V12611	19	24DTKA1	24	Tin học 3: Adobe Indesign	3	45	Trần Hạnh Nguyên	4.5.6			4.5.6 (1--7)			A402	1--8
98	TKTT	TKDH203V12612	19	24DTKA1	24	Tin học 3: Adobe Indesign	3	45	Trần Hạnh Nguyên		4.5.6			4.5.6 (1--7)		A402	1--8
99	TKTT	TKDH207V12611	38	24DTKA1	80	Nhiếp ảnh	3	45	Hoàng Minh Tuấn		4.5.6		4.5.6 (11--12)			B105	11--13
		TKDH207V12611.1	19		20	Nhiếp ảnh (Thực hành)					4.5.6		4.5.6 (13--17)			A111	13--18
		TKDH207V12611.2	19		20	Nhiếp ảnh (Thực hành)				1.2.3		1.2.3 (13--17)				A111	13--18
100	TKTT	TKDH205V12611	38	24DTKA1	80	Marketing trong thiết kế đồ họa	3	45	Trần Đức Trung			4.5.6			4.5.6 (11--17)	B102	11--18
101	TT	TT236C12611	40	24DTQA1	40	Tiếng Trung trung cấp tổng hợp 2	3	45	Phạm Thị Thùy	4.5.6			4.5.6 (1--7)			B101	1--8
102	TT	TT237C12611	40	24DTQA1	40	Tiếng Trung trung cấp tổng hợp 3	3	45	Nguyễn Thị Thu Hà			4.5.6			4.5.6 (11--17)	B101	11--18
103	TT	TT234C12611	40	24DTQA1	40	Đàm thoại văn hoá Trung Quốc	3	45	Trần Thị Kiều Lan		4.5.6			4.5.6 (11--17)		B101	11--18
104	CNTT	CNTT320V12611	9	24DTTA1	80	Học sâu 1	3	45	Nguyễn Trùng Lập			4.5.6			4.5.6 (1--7)	Online	1--8
105	CNTT	CNTT219V12611	9	24DTTA1	80	Lập trình cho AI và khoa học dữ liệu	3	45	Phan Thanh Sơn	4.5.6 (2--8)			4.5.6			A202	1--8
106	CNTT	CNTT220V12611	9	24DTTA1	80	Nhập môn khoa học dữ liệu và dữ liệu lớn	3	45	Phan Thanh Sơn		4.5.6			4.5.6 (1--7)		A202	1--8
107	CNTT	CNTT216V12611	9	24DTTA1	80	Đề án lập trình nâng cao	2	30	Nguyễn Khắc Huy	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--18
108	KHCB	GDTQ102V12611	127	K2024	180	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	Nguyễn Thái Bình			10.11.12			10.11.12	A401	2--6
109	KHCB	GDTQ102V12612	127	K2024	180	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	Nguyễn Thái Bình		10.11.12			10.11.12		A401	2--6
110	KHCB	GDTQ102V12613	127	K2024	180	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	Nguyễn Thái Bình	10.11.12			10.11.12			A401	2--6
111	KHCB	GDTQ103V12611	127	K2024	180	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	Nguyễn Thái Bình			10.11.12			10.11.12	A401	12--16
112	KHCB	GDTQ103V12612	127	K2024	180	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	Nguyễn Thái Bình		10.11.12			10.11.12		A401	12--16
113	KHCB	GDTQ103V12613	127	K2024	180	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	Nguyễn Thái Bình	10.11.12			10.11.12			A401	12--16

STT	Bộ môn quản lý MH	Mã lớp MH	Số SV theo lớp MH	Mã lớp	Số SV	Tên môn học	Số TC	Tổng số tiết	Giảng viên	Thứ, tiết học						Phòng học	Tuần
										Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7		
114	DL	DL110V12611	82	Liên ngành Du lịch K2024	80	Nguyên lý ngành du lịch	3	45	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	1.2.3						A204	2--16
115	TCNH	TCNH101V12612	14	Liên ngành TCNH K2024	80	Tài chính, tiền tệ và tín dụng	3	45	Lương Thị Kim Duyên		1.2.3					A203	2--16
116	TA	TA119E12613	43	Liên ngành Tiếng Anh K2024	40	Listening for daily conversations	3	45	Nguyễn Nhật Lan Hương					1.2.3		B104	2--16
117	TH	TH102K12611	23	Liên ngành Tiếng Hàn K2024	40	Tiếng Hàn sơ cấp 2	3	45	Nguyễn Thị Kiều Oanh	1.2.3 (10--16)			1.2.3 (9--16)			A108	9--16
118	TH	TH101K12611	23	Liên ngành Tiếng Hàn K2024	40	Tiếng Hàn sơ cấp 1	3	45	Vũ Thị Thu Hiền	1.2.3			1.2.3 (2--8)			A108	2--9
119	TT	TT120C12613	22	Liên ngành Tiếng Trung K2024	40	Nói tiếng Trung 1	3	45	Phạm Thị Thùy	7.8.9			7.8.9 (1--7)			A109	1--8
120	CNTT	CNTT112V12611	67	17DH1CNTT11	80	Toán rời rạc và Đại số tuyến tính	3	45	Nguyễn Đức Thuận			7.8.9			7.8.9 (1--7)	A205	1--8
121	CNTT	CNTT108V12611	34	17DH1CNTT11	40	Lập trình hướng đối tượng	3	45	Nguyễn Văn Tự Phạm Xuân Bình		7.8.9			7.8.9 (1--7)		A304	1--8
122	CNTT	CNTT108V12612	34	17DH1CNTT11	40	Lập trình hướng đối tượng	3	45	Phạm Xuân Bình Lê Hữu Tuấn	7.8.9			7.8.9 (1--7)			A304	1--8
123	CNTT	CNTT202E12611	67	17DH1CNTT11	80	Software Engineering	2	30	Nguyễn Văn Tự Nguyễn Đăng Bắc			7.8.9			7.8.9 (15--16)	Online	11--18
124	CNTT	CNTT106V12611	67	17DH1CNTT11	80	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	3	45	Lê Hữu Tuấn		7.8.9			7.8.9 (11--17)		A203	11--18
125	CNTT	CNTT213V12611	67	17DH1CNTT11	80	Toán cho học máy và trí tuệ nhân tạo	3	45	Nguyễn Đức Thuận	7.8.9			7.8.9 (11--17)			A203	11--18
126	TA	TA131E12611	37	17DH1DL11	50	English 4	3	45	Nguyễn Trần Hoài Phương			1.2.3			1.2.3 (1--7)	B102	1--8
127	DL	DL111V12611	37	17DH1DL11	80	Nhập môn quản trị sự kiện	3	45	Võ Trần Hải Linh		7.8.9			7.8.9 (11--17)		B103	11--18
128	TA	TA132E12619	40	17DH1DL11	50	English 5	3	45	Đoàn Thị Thu Hà		4.5.6			4.5.6 (11--17)		B102	11--18
129	DL	DL108V12611	37	17DH1DL11	80	Chuyên đề 2: Thủ tục xuất nhập cảnh	1	15	Nguyễn Đăng Khoa				4.5.6			A201	11--15
130	DL	DL309V12611	33	17DH1DL11 -QT LHSK	80	Tuyển điểm du lịch	3	45	Đinh Thị Nga			7.8.9			7.8.9 (1--7)	B102	1--8
131	DL	DL327V12611	4	17DH1DL11 - QTNH	80	An toàn vệ sinh thực phẩm	3	45	Nguyễn Thị Thương			7.8.9			7.8.9 (1--7)	A108	1--8
132	KT	KT217V12611	18	17DH1KT11	80	Ứng dụng phần mềm kế toán	3	45	Chu Mỹ Hạnh		7.8.9			7.8.9 (1--7)		B102	1--8
133	QTKD	QTKD101V12611	70	17DH1KT11	80	Quản lý danh nghiệp hiện đại	3	45	Đặng Hoàng Thái Hiền Hồ Thị Diệu Thu (*)				1.2.3			A205	2--16
134	TCNH	TCNH101V12612	18	17DH1KT11	80	Tài chính, tiền tệ và tín dụng	3	45	Lương Thị Kim Duyên		1.2.3					A203	2--16
135	KT	KT207V12611	18	17DH1KT11	80	Thực tập nhận thức	2	30	BM Kế toán	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--18
136	KT	KT208V12611	18	17DH1KT11	80	Chuyên đề 1	1	15	Trần Tâm Anh	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	11--18

STT	Bộ môn quản lý MH	Mã lớp MH	Số SV theo lớp MH	Mã lớp	Số SV	Tên môn học	Số TC	Tổng số tiết	Giảng viên	Thứ, tiết học						Phòng học	Tuần
										Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7		
137	KT	KT101V12611	35	17DH1LQLC11	80	Nguyên lý kế toán	3	45	Huỳnh Hán Việt Chương	7.8.9			7.8.9 (1--7)			A205	1--8
138	QTKD	QTKD107V12611	35	17DH1LQLC11	80	Thống kê kinh doanh	3	45	Phạm Thị Vân		7.8.9			7.8.9 (1--7)		A204	1--8
139	QTKD	QTKD207V12611	35	17DH1LQLC11	123	Thực tập nhận thức	2	30	BM QTKD	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--18
140	QTKD	QTKD208V12611	35	17DH1LQLC11	86	Chuyên đề 1	1	15	Phạm Thị Vân	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	11--18
141	LUAT	LUAT248V12611	32	17DH1LUAT11	80	Luật dân sự 1	3	45	Ngô Văn Tăng Phước Nguyễn Đình Thơ (*)			1.2.3				A201	2--16
142	LUAT	LUAT373V12611	32	17DH1LUAT11	80	Kiến tập nghề nghiệp	2	30	Nguyễn Thái Bình Nguyễn Duy Hữu (*) Lê Quốc Đô	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	11--18
143	LUAT	LUAT246V12611	32	17DH1LUAT11	80	Luật hiến pháp và quyền con người	3	45	Trần Trí Dũng Đặng Văn Khanh (*)		7.8.9			7.8.9 (11--17)		A201	11--18
144	KT	KT101V12611	41	17DH1MAR11	80	Nguyên lý kế toán	3	45	Huỳnh Hán Việt Chương	7.8.9			7.8.9 (1--7)			A205	1--8
145	QTKD	QTKD107V12611	41	17DH1MAR11	80	Thống kê kinh doanh	3	45	Phạm Thị Vân		7.8.9			7.8.9 (1--7)		A204	1--8
146	QTKD	QTKD207V12611	41	17DH1MAR11	123	Thực tập nhận thức	2	30	BM QTKD	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--18
147	QTKD	QTKD208V12611	41	17DH1MAR11	86	Chuyên đề 1	1	15	Nguyễn Đặng Huy Hoàng	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	11--18
148	TA	TA120E12611	25	17DH1NNA11	35	Academic Listening	3	45	Đoàn Văn Tiến	7.8.9			7.8.9 (1--7)			B101	1--8
149	TA	TA217E12611	25	17DH1NNA11	35	Public Speaking	3	45	Phan Nhật Thảo		7.8.9			7.8.9 (1--7)		B101	1--8
150	TT	TT214C12611	25	17DH1NNA11	40	Nhập môn Hán văn tự	3	45	Trần Thị Kiều Lan			1.2.3			1.2.3 (1--7)	B103	1--8
151	TA	TA210V12611	25	17DH1NNA11	35	Thực tập nhận thức	2	30	Nguyễn Thuận Tuyết Sương Nguyễn Lê Kim Khánh Trần Phương Lan	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--18
152	LUAT	LUAT248V12611	7	17DH1QLNN11	80	Luật dân sự 1	3	45	Ngô Văn Tăng Phước Nguyễn Đình Thơ (*)			1.2.3				A201	2--16
153	LUAT	LUAT373V12611	7	17DH1QLNN11	80	Kiến tập nghề nghiệp	2	30	Nguyễn Thái Bình Nguyễn Duy Hữu (*) Lê Quốc Đô	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	11--18
154	LUAT	LUAT246V12611	7	17DH1QLNN11	80	Luật hiến pháp và quyền con người	3	45	Trần Trí Dũng Đặng Văn Khanh (*)		7.8.9			7.8.9 (11--17)		A201	11--18
155	QTKD	QTKD202V12611	33	17DH1QTKD11	80	Quản trị nhân sự	3	45	Nguyễn Dạ Thảo Nguyễn Khương (*)		7.8.9			7.8.9 (1--7)		A203	1--8
156	TCNH	TCNH102V12611	33	17DH1QTKD11	80	Tài chính doanh nghiệp	3	45	Mai Văn Tới	7.8.9			7.8.9 (1--7)			A203	1--8
157	QTKD	QTKD207V12611	33	17DH1QTKD11	123	Thực tập nhận thức	2	30	BM QTKD	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--18
158	QTKD	QTKD208V12611	33	17DH1QTKD11	86	Chuyên đề 1	1	15	Huỳnh Lê Phú Phong	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	11--18
159	DL	DL324V12611	41	17DH1QTKS11	80	Quản trị tiền sảnh	3	45	Hoàng Văn Tâm			7.8.9			7.8.9 (1--7)	A203	1--8

STT	Bộ môn quản lý MH	Mã lớp MH	Số SV theo lớp MH	Mã lớp	Số SV	Tên môn học	Số TC	Tổng số tiết	Giảng viên	Thứ, tiết học						Phòng học	Tuần
										Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7		
160	DL	DL303V12611	21	17DH1QTKS11	30	Nghiep vụ nhà hàng	3	45	Trần Thị Phi Ánh	7.8.9			7.8.9 (1--7)			B004	1--8
161	DL	DL303V12612	21	17DH1QTKS11	30	Nghiep vụ nhà hàng	3	45	Trần Thị Phi Ánh		7.8.9			7.8.9 (1--7)		B004	1--8
162	TA	TA131E12612	41	17DH1QTKS11	50	English 4	3	45	Phan Nhật Thảo		4.5.6		7.8.9 (11--17)	4.5.6 (1--7)		B103	1--8
163	DL	DL328V12611	41	17DH1QTKS11	80	Quản trị buồng phòng	3	45	Nguyễn Lê Chi Lan	7.8.9						B102	11--18
164	TA	TA132E126110	41	17DH1QTKS11	50	English 5	3	45	Nguyễn Thị Như Quỳnh				10.11.12 (11--17)		1.2.3	B102	11--18
165	DL	DL118V12611	41	17DH1QTKS11	80	Chuyên đề 2: Chăm sóc khách hàng trong cơ sở lưu trú	1	15	Hoàng Văn Tâm		4.5.6					A201	11--15
166	TCNH	TCNH102V12611	29	17DH1TCNH11	80	Tài chính doanh nghiệp	3	45	Mai Văn Tới	7.8.9			7.8.9 (1--7)			A203	1--8
167	KT	KT101V12612	65	17DH1TCNH11	80	Nguyên lý kế toán	3	45	Huỳnh Hán Việt Chương	1.2.3						A205	2--16
168	TCNH	TCNH205V12611	29	17DH1TCNH11	80	Thực tập nhận thức	2	30	Mai Văn Tới	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--18
169	TCNH	TCNH206V12611	29	17DH1TCNH11	80	Chuyên đề 1	1	15	Mai Văn Tới	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	11--18
170	TKTT	TDPT206V12611	41	17DH1TDPT11	80	Phân tích dữ liệu truyền thông	3	45	Hồ Thị Phương Ngân		4.5.6		4.5.6			Online	1--2
											4.5.6 (A205)		4.5.6 (3--7) (A401)			A205 A401	3--8
171	TKTT	TDPT105V12611	41	17DH1TDPT11	80	Lý thuyết truyền thông	3	45	Hồ Thị Phương Ngân		1.2.3					Online	2
											1.2.3					A204	3--16
172	TKTT	TDPT207V12611	41	17DH1TDPT11	80	Nghiên cứu truyền thông	3	45	Phạm Vũ Lan Anh	8.9.10		8.9.10				Online	11--13
										8.9.10		8.9.10		8.9.10		Online	15--17
173	TKTT	TDPT107V12611	41	17DH1TDPT11	80	Kỹ năng nói chuyện trước công chúng	3	45	Tiêu Minh Sơn		7.8.9		7.8.9			Online	15--17
										1.2.3 7.8.9	1.2.3 7.8.9	1.2.3 7.8.9	1.2.3 7.8.9	1.2.3		Greenlab	18
174	TH	TH106K12611	15	17DH1TH11	35	Tiếng Hàn trung cấp 2	3	45	Vũ Thị Thu Hiền			4.5.6			4.5.6 (1--7)	A109	1--8
175	TH	TH218K12611	15	17DH1TH11	35	Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc 1	3	45	An Hei Won		7.8.9			7.8.9		Online	1--2
											7.8.9			7.8.9 (3--7)		A108	3--8
176	TH	TH209K12611	15	17DH1TH11	80	Thực tập nhận thức	2	30	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--18
177	TKTT	TKDH105V12611	23	17DH1TKDH11	25	Tạo hình mỹ thuật cơ bản	3	45	Trần Đức Trung	7.8.9			7.8.9 (1--7)			Greenlab	1--8
178	TKTT	TKDH105V12612	23	17DH1TKDH11	25	Tạo hình mỹ thuật cơ bản	3	45	Trần Đức Trung		7.8.9			7.8.9 (1--7)		Greenlab	1--8
179	TKTT	TKDH106V12611	46	17DH1TKDH11	80	Ngôn ngữ tạo hình đồ họa	3	45	Trần Đức Trung			7.8.9			7.8.9 (1--7)	B104	1--8
180	TKTT	TKDH107V12611	46	17DH1TKDH11	80	Nguyên lý thiết kế đồ họa	3	45	Nguyễn Thị Thùy Dung			1.2.3				A205	11--18
181	TKTT	TKDH108V12611	46	17DH1TKDH11	80	Thiết kế tạo hình nhân vật	3	45	Trần Đức Trung	7.8.9			7.8.9 (11--17)			A201	11--18

STT	Bộ môn quản lý MH	Mã lớp MH	Số SV theo lớp MH	Mã lớp	Số SV	Tên môn học	Số TC	Tổng số tiết	Giảng viên	Thứ, tiết học						Phòng học	Tuần
										Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7		
182	TT	TT124C12611	40	17DH1TT11	40	Độc viết tiếng Trung 2	3	45	Nguyễn Thị Thu Hà		7.8.9			7.8.9 (1--7)		A403	1--8
183	TT	TT125C12611	40	17DH1TT11	40	Nói tiếng Trung 3	3	45	Phạm Thị Thùy			7.8.9			7.8.9 (1--7)	B103	1--8
184	TT	TT127C12611	40	17DH1TT11	40	Độc viết tiếng Trung 3	3	45	Phạm Thị Thùy			7.8.9			7.8.9 (11--17)	B101	11--18
185	TT	TT208C12611	42	17DH1TT11	80	Thực tập nhận thức	2	30	Trương Anh Tuấn	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	11--18
186	TT	TT122C12611	40	Ngôn ngữ Trung K17	40	Nghe tiếng Trung 2	3	45	Trần Thị Kiều Lan			4.5.6			4.5.6 (1--7)	B105	1--8
187	KHCB	GDTQ173V12611	37	Khóa 17	80	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45	Thành Adam Krishna		4.5.6			4.5.6 (1--7)		A203	1--8
188	KHCB	GDTQ173V12612	85	Khóa 17	80	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45	Thành Adam Krishna	4.5.6 (2--8)			4.5.6			A204	1--8
189	KHCB	GDTQ174V12611	80	Khóa 17	80	Con người và môi trường	3	45	Võ Thế Dũng			4.5.6			4.5.6 (1--7)	A205	1--8
190	TA	TA132E12611	50	Khóa 17	50	English 5	3	45	Nguyễn Phương Thảo	1.2.3			1.2.3 (1--7)			B102	1--8
191	TA	TA132E12612	50	Khóa 17	50	English 5	3	45	Đoàn Thị Thu Hà			4.5.6			4.5.6 (1--7)	B102	1--8
192	TA	TA132E12613	50	Khóa 17	50	English 5	3	45	Nguyễn Lê Kim Khánh		1.2.3			1.2.3 (1--7)		B102	1--8
193	TA	TA132E12614	50	Khóa 17	50	English 5	3	45	Nguyễn Lê Kim Khánh	1.2.3			1.2.3 (1--7)			B103	1--8
194	TA	TA132E12615	50	Khóa 17	50	English 5	3	45	Phạm Ngọc Quốc Việt		4.5.6			4.5.6 (1--7)		B102	1--8
195	TA	TA132E12616	50	Khóa 17	50	English 5	3	45	Đoàn Thị Thu Hà	4.5.6			4.5.6 (1--7)			B105	1--8
196	TA	TA132E12617	50	Khóa 17	50	English 5	3	45	Nguyễn Phương Thảo	4.5.6			4.5.6 (1--7)			B103	1--8
197	TA	TA132E12618	50	Khóa 17	50	English 5	3	45	Văn Thị Thanh Hiền		1.2.3			1.2.3 (1--7)		B103	1--8

Lưu ý: (*) Giảng viên tham gia nhưng không tính giờ dạy

Ghi chú:

Thời gian các tuần trong HK1

Tuần 1: 07/09 - 13/09/26	Tuần 11: 16/11 - 22/11/26
Tuần 2: 14/09 - 20/09/26	Tuần 12: 23/11 - 29/11/26
Tuần 3: 21/09 - 27/09/26	Tuần 13: 30/11 - 06/12/26
Tuần 4: 28/09 - 04/10/26	Tuần 14: 07/12 - 13/12/26
Tuần 5: 05/10 - 11/10/26	Tuần 15: 14/12 - 20/12/26
Tuần 6: 12/10 - 18/10/26	Tuần 16: 21/12 - 27/12/26
Tuần 7: 19/10 - 25/10/26	Tuần 17: 28/12 - 03/01/27
Tuần 8: 26/10 - 01/11/26	Tuần 18: 04/01 - 10/01/27
Tuần 9: 02/11 - 08/11/26	Tuần 19: 11/01 - 17/01/27
Tuần 10: 09/11 - 15/11/26	Tuần 20: 18/01 - 24/01/27

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị (p/h t/h);
- Giảng viên, sinh viên (t/h);
- Lưu: VT, ĐT.

Ký hiệu tòa nhà

- Tòa nhà 5 tầng: A
- Tòa nhà 2 tầng: B

Thời gian học

- Tiết 1: 07g00 - 07g50
- Tiết 2: 07g50 - 08g40
- Tiết 3: 08g40 - 09g30
- Giải lao: 09g30 - 09g45
- Tiết 4: 09g45 - 10g35
- Tiết 5: 10g35 - 11g25
- Tiết 6: 11g25 - 12g15
- Giải lao: 12g15 - 13g15

- Tiết 7: 13g15 - 14g05
- Tiết 8: 14g05 - 14g55
- Tiết 9: 14g55 - 15g45
- Giải lao: 15g45 - 16g00
- Tiết 10: 16g00 - 16g50
- Tiết 11: 16g50 - 17g40
- Tiết 12: 17g40 - 18g30

(Đã ký)

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

ThS. Đinh Văn Hương